

# CÔNG THƯƠNG

TẠP CHÍ - CƠ QUAN THÔNG TIN LÝ LUẬN CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG ISSN: 0866-7756

VIET NAM TRADE AND INDUSTRY REVIEW

## CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ

Số 14 - THÁNG 6/2022



8 934602 400107 8

Website: <http://tapchicongthuong.vn>



# MỤC LỤC

# CONTENTS

ISSN: 0866-7756 Số **14** - Tháng 6/2022

## LUẬT

### NGUYỄN MAI ANH

Một số điểm mới về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán  
Some new points about the sanctions for administrative violations in the stock market .....8

### NGUYỄN THỊ CÁT TƯỜNG

Một số đề xuất pháp lý về tiền kỹ thuật số  
Some legal recommendations for cryptocurrencies .....13

### LÝ VĂN QUYỀN

Các biện pháp phòng ngừa xã hội trong phòng ngừa tội phạm và đấu tranh chống tội phạm  
Social preventative measures in prevention and combating of crime .....18

### PHẠM LINH CHI

Những lưu ý khi thẩm định pháp lý trong lĩnh vực lao động để có giao dịch mua bán sáp nhập  
trong lĩnh vực năng lượng tái tạo thành công  
Soeme notes about the legal due diligence in the labor field to successfully make a Mergers and Acquisitions (M&A)  
deal in the renewable energy industry .....23

### VŨ MINH CHÂU - ĐỖ BÁ THÍCH - ĐẶNG NGỌC DUỆ

Hiện tượng tị nạn pháp luật kinh doanh tại Việt Nam - Thực trạng và giải pháp  
The issue of business asylum in Vietnam - Status quo and solutions .....28

### PHẠM TÀI TUỆ - NGUYỄN THÀNH LONG

Tội giả mạo trong công tác theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015  
Commission of fraud in performance of duties under 2015 Criminal Code.....36

### NGUYỄN HOÀNG LONG

Giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng thế chấp quyền tài sản vô hiệu do vi phạm thủ tục công chứng  
- Bất cập và định hướng hoàn thiện  
Solving legal consequences of the mortgage agreement of property rights which is being void as  
it violates current notarization procedures - Inadequacies and solutions .....41

### PHÍ MẠNH CƯỜNG

Một số vấn đề pháp lý về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử  
Some legal issues about the protection of intellectual property rights in e-commerce .....47

## KINH TẾ

### NGÔ THỊ HIẾU

Biến đổi khí hậu tác động đến nguồn vốn sinh kế của hộ dân ven biển tỉnh Kiên Giang  
Impacts of natural disasters and climate change on the livelihood capital of households living  
in coastal areas of Kien Giang province.....53

### HUANG HE MENG

Thực trạng hợp tác thương mại biên giới của tỉnh Lào Cai, Việt Nam và tỉnh Vân Nam, Trung Quốc  
The current border trade cooperation between Lao Cai province (Vietnam) and Yunan province (China).....58

## **LÊ ANH MINH TRANG - BUI VĂN TRINH - PHẠM MINH TRÍ**

Các yếu tố ảnh hưởng đến chậm tiến độ giải ngân vốn của các dự án tại Thành phố Cần Thơ

Factors affecting the delay in the disbursement of capital from the state budget for construction projects

in Can Tho city.....233

## **NGUYỄN THỊ MỸ THANH**

Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua vé số truyền thống của người dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Factors affecting the decision to buy traditional lottery tickets of people in Phan Rang - Thap Cham city,

Ninh Thuan province .....241

## **ĐÀO THỊ HỒ HƯƠNG**

Quản trị tài chính doanh nghiệp nhỏ và vừa: Thực trạng và một số đề xuất

The financial management of small and medium-sized enterprises: Current situations and some proposals .....247

## **PHAN XUÂN CƯỜNG**

Tác động của trách nhiệm xã hội trường đại học đến thương hiệu và sự gắn bó của nhân viên

ở các trường đại học TP. Hồ Chí Minh

Impacts of the university social responsibility on the brand and employee engagement

at universities in Ho Chi Minh City.....252

## **ĐÀO HOÀNG DŨNG**

Tổng quan về hệ thống quản trị kinh doanh liên tục ISO 22301:2019 và ý nghĩa đối với doanh nghiệp

An overview of the ISO ISO 22301:2019 business continuity management system and its role for enterprises .....258

# **KINH DOANH**

## **NGUYỄN THỊ THANH NGÀ**

Một số giải pháp phát triển dịch vụ Mobile Money của Viettel

Some solutions to develop mobile money services of Viettel .....264

## **ĐINH THỊ LỆ TRÂM**

Hành vi tiêu dùng kín đáo - Xu hướng tiêu dùng mới trong ngành hàng xa xỉ

The conspicuous consumption - New consumption trend for luxury goods .....269

## **TRẦN ĐÌNH AN - NGUYỄN THỊ BƯỚI - NGUYỄN MINH KHUÊ**

Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của các hệ thống nhà thuốc tư nhân tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh

đối với Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Factors affecting the satisfaction of private pharmacy systems in Ho Chi Minh City

with Hau Giang Pharmaceutical Joint Stock Company.....276

## **LÊ DUY KHÁNH**

Ảnh hưởng của cấu trúc vốn và thanh khoản đến khả năng sinh lời của các doanh nghiệp:

Trường hợp các doanh nghiệp logistics niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Influence of the capital structure and liquidity on the profitability:

Case of logistics companies listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange.....282

## **TRẦN THỊ THANH NHÀN**

Sự thay đổi hành vi tiêu dùng trong mua sắm của người dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

trong bối cảnh bình thường mới

Changes in consumer behavior of consumers in Quy Nhon city, Binh Dinh province

in the context of the new normal .....288

## **NGUYỄN TỔ TÂM**

Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đổi mới dịch vụ và kết quả hoạt động trong doanh nghiệp

A study on the factors affecting the service innovation and the performance of service firms .....294

## **LÂM QUỐC BẢO - NGUYỄN THÚY LAN ANH - NGUYỄN DƯƠNG QUỲNH ANH**

Vai trò của kinh nghiệm và sự hỗ trợ của xã hội đến ý định khởi nghiệp kinh doanh xã hội

của sinh viên Việt Nam

The role of experience and social support in the social business start-up intention of Vietnamese students .....300

# NGHIÊN CỨU HIỂU BIẾT CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG VỀ TỒN DƯ KHÁNG SINH TRONG TÔM TẠI THÀNH PHỐ HUẾ, VIỆT NAM

● NGUYỄN THỊ MINH HƯƠNG - HOÀNG HỮU TRUNG

## TÓM TẮT:

Tồn dư kháng sinh trong tôm đang là một mối đe dọa tiềm ẩn cho sức khỏe cộng đồng. Người tiêu dùng đóng vai trò rất quan trọng trong việc góp phần làm giảm thiểu nguy cơ từ tồn dư kháng sinh thông qua việc tăng cường nhận thức và có những biện pháp phòng ngừa phù hợp. Vì vậy, nghiên cứu này tiến hành đánh giá hiểu biết của người tiêu dùng về tồn dư kháng sinh trong tôm. Nghiên cứu được thực hiện thông qua phỏng vấn có chủ đích 204 người mua sắm thực phẩm chính trong các hộ gia đình tại thành phố Huế. Kết quả cho thấy, người tiêu dùng có hiểu biết “kém”, với chỉ số hiểu biết là  $42,46 \pm 34,04\%$ . Vì vậy, việc cung cấp đầy đủ thông tin về tồn dư kháng sinh và kháng kháng sinh nhằm nâng cao hiểu biết của người tiêu dùng đối với loại thực phẩm này là rất cần thiết.

**Từ khóa:** hiểu biết, người tiêu dùng, tồn dư kháng sinh trong tôm.

## 1. Đặt vấn đề

Hiện nay, kháng kháng sinh (KKS) là một trong những mối đe dọa về sức khỏe cộng đồng được quan tâm hàng đầu trên thế giới. Mối đe dọa này ngày càng tăng trong những thập niên gần đây bởi việc sử dụng không hợp lý kháng sinh trong cộng đồng, trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, dẫn đến dư lượng kháng sinh tồn dư trong thực phẩm. Hậu quả là sức khỏe của người tiêu dùng bị ảnh hưởng và môi trường bị ô nhiễm bởi vi khuẩn kháng kháng sinh. Để hạn chế nguy cơ con người tiêu thụ các sản phẩm có tồn dư kháng sinh và sự gia tăng nguy cơ KKS trong cộng đồng, tất cả các thành viên liên quan

trong chuỗi cung ứng tôm cần nâng cao nhận thức về tồn dư kháng sinh trong tôm, KKS và sử dụng kháng sinh có trách nhiệm hơn. Theo Đặng và cộng sự (2016), Nguyễn và cộng sự (2018), người tiêu dùng không phải là đối tượng chịu trách nhiệm chính trong những vấn đề về an toàn vệ sinh thực phẩm nhưng họ lại là một nhân tố rất quan trọng để hạn chế các nguy cơ gây bệnh từ thực phẩm bẩn thông qua việc chủ động nâng cao nhận thức và có những biện pháp phòng ngừa phù hợp. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề, nghiên cứu tiến hành đánh giá hiểu biết của người tiêu dùng về tồn dư kháng sinh trong tôm tại thành phố Huế.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Xây dựng thang đo: Thang đo “Hiểu biết” của người tiêu dùng về tồn dư kháng sinh trong tôm được xây dựng, kiểm tra và điều chỉnh dựa trên 3 cơ sở: (1) nghiên cứu sơ bộ thông qua tổng quan các nghiên cứu trước, thực trạng tồn dư kháng sinh trong tôm tại thành phố Huế; (2) phỏng vấn chuyên gia của các Chi cục của tỉnh thông qua bảng hỏi bán cấu trúc; (3) Điều tra thử với quy mô mẫu là 30 hộ gia đình. Kết quả của quá trình xây dựng thang đo là một thang đo “Hiểu biết” hoàn chỉnh gồm 6 biến quan sát đã được xây dựng.

**Đối tượng khảo sát:** Nghiên cứu tập trung vào đối tượng là người mua sắm thực phẩm chính trong các hộ gia đình có tiêu thụ tôm trên địa bàn thành phố Huế.

**Mẫu điều tra:** Nghiên cứu này không xác định được chính xác tổng thể các hộ gia đình có tiêu dùng tôm tại thành phố Huế và nghiên cứu sử dụng chủ yếu phương pháp thống kê mô tả, theo Yamane (1967), công thức tính cỡ mẫu phù hợp trong trường hợp này là:

$$n = Z^2 \frac{p(1-p)}{(1-\alpha/2) \epsilon^2}$$

-  $p$ : tỷ lệ người tiêu dùng có hiểu biết cơ bản về tồn dư kháng sinh trong tôm theo kết quả điều tra thử với 30 hộ gia đình trên địa bàn thành phố Huế là 43%.

-  $Z_{(1-\alpha/2)}$  là hệ số giới hạn tin cậy,  $Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96$  với độ tin cậy là 95%.

-  $\epsilon$  là mức sai số tương đối chấp nhận, nghiên cứu này chọn,  $\epsilon = 0,07$ .

Thay vào công thức, nghiên cứu tính được  $n = 192$ . Với tỷ lệ bảng hỏi hợp lệ là 93% (điều tra thử), nghiên cứu quyết định điều tra 210 mẫu để đạt được kích thước mẫu mong muốn và kết quả thu được 204 mẫu hợp lệ được sử dụng làm dữ liệu nghiên cứu.

**Phương pháp thu thập số liệu:** phương pháp chọn mẫu được sử dụng là chọn mẫu phi ngẫu nhiên có chủ đích. Các tác giả kết hợp điều tra trực tuyến và phỏng vấn trực tiếp. Mỗi hộ gia đình chọn một người đại diện (là người mua sắm thực phẩm chính) để nghiên cứu.

**Phương pháp phân tích số liệu:** Số liệu được phân tích và xử lý trên phần mềm SPSS 20. Để đo lường hiểu biết của người tiêu dùng về tồn dư kháng sinh trong tôm, 6 câu hỏi đúng sai được sử dụng. Người trả lời sẽ có 1 điểm hiểu biết nếu trả lời đúng và 0 điểm hiểu biết nếu trả lời sai hoặc không biết.

Tiếp theo, nghiên cứu tính chỉ số hiểu biết như công thức bên dưới:

$$\text{Chỉ số } K = \frac{\text{Điểm } K * 100}{\text{Điểm tối đa } K} \quad (\text{Công thức 1})$$

Trong đó: Chỉ số  $K$  là chỉ số hiểu biết của người trả lời (%); Điểm  $K$  là điểm hiểu biết của từng cá nhân người trả lời, tương ứng với số câu trả lời đúng trong 6 câu hỏi đánh giá mức độ hiểu biết. Điểm hiểu biết chạy từ 0 đến 6. Điểm số càng cao hiểu biết càng tốt; Điểm tối đa  $K$  là tổng điểm hiểu biết tối đa mà một cá nhân có thể đạt được, bằng 6.

Cuối cùng, theo Boakye và cộng sự (2018), chỉ số hiểu biết của người tiêu dùng về tồn dư kháng sinh trong tôm được đánh giá dựa trên sự phân loại như sau:

- Chỉ số  $K \leq 50\%$ : Người tiêu dùng có hiểu biết “Kém”

- Chỉ số  $K$  từ 51-70%: Người tiêu dùng có hiểu biết “Khá”

- Chỉ số  $K$  từ 71-90%: Người tiêu dùng có hiểu biết “Tốt”

- Chỉ số  $K > 90\%$ : Người tiêu dùng có hiểu biết “Rất tốt”

## 3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

### 3.1. Đặc điểm của mẫu nghiên cứu

Đối tượng khảo sát là những người mua sắm thực phẩm chính trong các hộ gia đình tại thành phố Huế, nên người phỏng vấn chủ yếu là nữ giới (88,7%), ở độ tuổi trưởng thành từ 22 đến dưới 60 (77%). Nhìn chung, đối tượng khảo sát có trình độ học vấn khá cao, tỷ lệ người tốt nghiệp từ đại học trở lên chiếm 63,2%. Thu nhập bình quân đầu người  $4,54 \pm 3,31$  triệu đồng/tháng. Số người trong một hộ gia đình trung bình là  $4,49 \pm 1,50$  người. Tỷ lệ hộ gia đình có trẻ em là 71,1%, có người cao tuổi là 47,1% và có phụ nữ có thai là 2,9%.

### 3.2. Thực trạng hiểu biết của người tiêu dùng về tồn dư kháng sinh trong tôm

Mức độ hiểu biết của người tiêu dùng được đánh giá thông qua 6 câu hỏi đúng và sai về các kiến thức liên quan đến vai trò của thuốc kháng sinh trong nuôi tôm và vấn đề tồn dư kháng sinh, KKS ở tôm và người. Kết quả điều tra được mô tả ở Bảng 1.

Theo Katrin và cộng sự (2003), kháng sinh thường được sử dụng trong nuôi tôm để điều trị và phòng ngừa các bệnh do vi khuẩn gây ra nhưng không hiệu quả cho các bệnh do vi rút gây ra. Vì vậy, câu hỏi đúng và câu hỏi là sai. Tuy nhiên, chỉ có 47,1% người tiêu dùng tin rằng chất kháng sinh có thể hiệu quả cho các bệnh do vi khuẩn gây ra ở tôm và chỉ có 27,5% trả lời đúng về tính không hiệu quả của tồn dư kháng sinh cho các bệnh do vi rút gây ra. Trong khi đó, có 72,6% người trả lời hiểu sai hoặc không có kiến thức về khả năng điều trị bệnh có nguồn gốc từ vi rút của kháng sinh.

Đối với kiến thức về tồn dư kháng sinh và vấn đề kháng kháng sinh, Scott và cộng sự (2018) đã cho thấy, việc lạm dụng chất kháng sinh trong nuôi tôm có thể dẫn đến tồn dư kháng sinh trong tôm, vấn đề kháng kháng sinh trong tôm và ảnh hưởng đến sức khỏe của con người. Vì vậy, câu và là phát biểu đúng, trong khi câu và là sai. Kết quả cho thấy, phần lớn người trả lời nhận thức được trong tôm có thể tồn tại tồn dư kháng sinh (60,5%). Tuy nhiên, chỉ có 34,8% người trả lời hiểu được tồn dư kháng sinh có thể ảnh hưởng đến sức khỏe của con người và chỉ một số ít người tiêu dùng hiểu được vấn đề kháng kháng sinh ở người do sử dụng tôm có tồn dư kháng sinh gây ra (29,0%).

Điểm hiểu biết của người tiêu dùng được tính trên tổng số câu trả lời đúng của họ trong 6 câu hỏi về mức độ hiểu biết. Kết quả thống kê cho thấy, điểm hiểu biết trung bình của người tiêu dùng khá thấp  $2,55 \pm 2,04$  (tối đa là 6). Tác giả sử dụng kiểm định Mann-Whitney và Kruskal-Wallis để

**Bảng 1. Hiểu biết của người tiêu dùng về tồn dư kháng sinh trong tôm**

| STT                                                                        | Các phát biểu                                                                                                                                         | Đúng n (%) | Sai n (%) | Không biết n (%) |
|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------|------------------|
| <b>Kiến thức về thuốc kháng sinh sử dụng trong nuôi tôm</b>                |                                                                                                                                                       |            |           |                  |
| 1                                                                          | Chất kháng sinh được dùng để chữa các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn gây ra ở tôm                                                                       | 96 (47,1)  | 24 (11,8) | 84 (41,2)        |
| 2                                                                          | Chất kháng sinh được dùng để chữa các bệnh nhiễm trùng do vi rút gây ra ở tôm                                                                         | 56 (27,5)  | 55 (27,0) | 93 (45,6)        |
| <b>Kiến thức về tồn dư kháng sinh trong tôm và vấn đề kháng kháng sinh</b> |                                                                                                                                                       |            |           |                  |
| 3                                                                          | Lạm dụng chất kháng sinh trong nuôi tôm có thể dẫn đến tồn dư kháng sinh trong tôm                                                                    | 127 (62,3) | 9 (4,4)   | 68 (33,3)        |
| 4                                                                          | Tồn dư kháng sinh trong tôm không ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng                                                                              | 73 (35,8)  | 58 (28,4) | 73 (35,8)        |
| 5                                                                          | Sử dụng kháng sinh trong nuôi tôm không gây ra hiện tượng kháng thuốc kháng sinh ở người                                                              | 61 (29,9)  | 47 (23,0) | 96 (47,1)        |
| 6                                                                          | Người tiêu dùng ăn tôm có tồn dư kháng sinh có thể gây ngộ độc, tạo vi khuẩn kháng thuốc kháng sinh, gây khó khăn trong công tác điều trị nhiễm khuẩn | 107 (52,5) | 16 (7,8)  | 81 (39,7)        |

Lưu ý: Câu trả lời chính xác là ① Đúng, ② Sai, ③ Đúng, ④ Sai, ⑤ Sai, ⑥ Đúng

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2022



**Bảng 2. So sánh điểm hiểu biết về tồn dư kháng sinh giữa những nhóm đối tượng khác nhau**

| Biến quan sát                             |                       | Số lượng (Tỷ lệ) n(%) | Điểm hiểu biết | P-value |
|-------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------|---------|
| Điểm hiểu biết trung bình (Mean $\pm$ SD) |                       | 2,55 $\pm$ 2,04       |                |         |
| Giới tính                                 | Nam                   | 23 (11,3)             | 1,70           | 0,035   |
|                                           | Nữ                    | 181 (88,7)            | 2,66           |         |
| Trình độ học vấn                          | Dưới THPT             | 10 (4,9)              | 1,20           | 0,000   |
|                                           | THPT                  | 50 (24,5)             | 1,32           |         |
|                                           | Cao đẳng/Trung cấp    | 15 (7,4)              | 1,20           |         |
|                                           | Đại học               | 93 (45,6)             | 3,18           |         |
|                                           | Sau đại học           | 36 (17,6)             | 3,56           |         |
| Thu nhập bình quân đầu người              | Dưới 2 triệu          | 27 (13,2)             | 1,19           | 0,000   |
|                                           | Từ 2 đến dưới 3 triệu | 33 (16,2)             | 2,24           |         |
|                                           | Từ 3 đến dưới 4 triệu | 47 (23,0)             | 2,34           |         |
|                                           | Trên 4 triệu          | 97 (47,5)             | 3,13           |         |
| Sẵn sàng chi trả cho tôm không kháng sinh | Có                    | 159 (77,9)            | 2,81           | 0,001   |
|                                           | Không                 | 45 (22,1)             | 1,62           |         |

*Lưu ý: (1) Kiểm định Mann-Whitney được sử dụng cho biến có 2 nhóm; Kiểm định Kruskal-Wallis được sử dụng cho biến có trên 2 nhóm đối tượng. (2) Những giá trị P-value được in đậm cho thấy kiểm định có ý nghĩa thống kê.*

*Nguồn: Số liệu điều tra năm 2022*

kiểm tra sự khác biệt về điểm hiểu biết giữa những nhóm đối tượng khác nhau. Kết quả kiểm định ở Bảng 2 cho thấy, có sự khác biệt về điểm hiểu biết giữa giới tính, trình độ học vấn, thu nhập bình quân đầu người trên tháng. Trong đó, người mua sản phẩm thực phẩm là nữ giới có mức độ hiểu biết về tồn dư kháng sinh hơn so với nam giới. Trong văn hoá người Huế nói riêng và người Việt Nam nói chung, người phụ nữ vẫn là người mua sắm chính của các gia đình, vì vậy mức độ quan tâm về các vấn đề an toàn thực phẩm của nữ thường lớn hơn nam giới. Nghiên cứu của Ralph và Scottie (2000) cũng cho thấy hiểu biết về an toàn thực phẩm của nữ tốt hơn nam. Ngoài ra, một số nghiên cứu trước đây cũng cho thấy rằng, trình độ học vấn càng cao, thu nhập càng lớn mức độ hiểu biết về an toàn thực phẩm càng tốt (Ralph và Scottie, 2000; Annie và cộng sự, 2004). Nghiên cứu này

cũng cho kết quả tương tự, người trả lời có trình độ học vấn từ đại học trở lên và có thu nhập càng cao thì có mức độ hiểu biết càng tốt về tồn dư kháng sinh trong tôm. Ngoài ra, kết quả điều tra cũng cho thấy, những người sẵn sàng chi trả nhiều hơn cho tôm nuôi không sử dụng thuốc kháng sinh thường có mức độ hiểu biết tốt hơn cho những người không đồng ý chi trả. Một số nghiên cứu đã chỉ ra mối quan hệ giữa sự kém hiểu biết và hành vi không phù hợp (Jia et al., 2017). Tuy nhiên, nghiên cứu này chỉ tập trung cho hiểu biết, mối quan hệ giữa hiểu biết và hành vi của người tiêu dùng sẽ được đề cập ở một bài báo khác.

Dựa trên kết quả ở Bảng 1 và công thức 1 trong phần phương pháp nghiên cứu, nghiên cứu đã tính toán chỉ số hiểu biết chung của người tiêu dùng (Bảng 3). Kết quả cho thấy, người tiêu dùng nhìn chung có kiến thức chưa đầy đủ về tồn dư kháng



**Bảng 3. Đánh giá hiểu biết chung của người tiêu dùng về tồn dư kháng sinh trong tôm**

|                                 | Kém <i>n</i> (%) | Khá <i>n</i> (%) | Tốt <i>n</i> (%) | Rất tốt <i>n</i> (%) |
|---------------------------------|------------------|------------------|------------------|----------------------|
| Chỉ số hiểu biết                | 141 (67,1)       | 17 (8,1)         | 25 (11,9)        | 21 (10,0)            |
| Chỉ số hiểu biết trung bình (%) | 42,46 34,04      |                  |                  |                      |

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2022

sinh trong tôm. Chỉ số kiến thức trung bình chỉ  $42,46 \pm 34,04\%$ , trong đó tỷ lệ người trả lời có kiến thức “Kém” là 67,1%, chỉ có 21,9% người tiêu dùng có kiến thức “Tốt” và “Rất tốt”. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Nukala và Hema (2022). Nghiên cứu này cũng cho thấy mức độ hiểu biết của người tiêu dùng về tồn dư kháng sinh trong các sản phẩm từ động vật là thấp, dẫn đến sự nhận thức chưa đúng về mối đe dọa giữa tồn dư kháng sinh và sức khỏe con người.

#### 4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu với 204 người mua sắm thực phẩm chính trong các hộ gia đình ở thành phố Huế đã cho thấy người tiêu dùng có mức độ hiểu biết “Kém” về tồn dư kháng sinh trong tôm. Đặc biệt, hầu hết người tiêu dùng hiểu sai hoặc không có kiến thức về các vấn đề liên quan đến mục đích sử dụng kháng sinh trong nuôi tôm, sự ảnh hưởng

của tồn dư kháng sinh đến sức khỏe con người và vấn đề kháng kháng sinh. Kết quả kiểm định sự khác biệt cho thấy, nữ giới, trình độ học vấn cao, mức thu nhập càng cao thì mức độ hiểu biết về tồn dư kháng sinh trong tôm càng tốt.

Mặc dù người tiêu dùng không thể nhận biết được tồn dư kháng sinh bằng mắt thường, họ lại đóng vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo vấn đề an toàn của chuỗi thực phẩm. Tuy nhiên, kết quả lại cho thấy người tiêu dùng rất thiếu kiến thức về những vấn đề liên quan đến tồn dư kháng sinh trong tôm, điều này có thể dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn cho sức khỏe của cộng đồng. Vì vậy, các sở, ban, ngành cần cung cấp đầy đủ thông tin và giáo dục công chúng thông qua các chiến dịch nâng cao nhận thức của cộng đồng về tác động của tồn dư kháng sinh và vấn đề kháng kháng sinh đối với sức khỏe cộng đồng ■

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Boakye, H., Quartey, J., Baidoo, N. A. B., et al. (2018). Knowledge, attitude and practice of physiotherapists towards health promotion in Ghana. *South African journal of physiotherapy*, 74(1), 443.
2. Đặng, X. S., Nguyễn, V. H., Meeyam, T., et al. (2016). Food safety perceptions and practices among smallholder pork value chain actors in Hung Yen. *J. Food Prot.*, 79, 1490-1497.
3. Jia, B., St-Hilaire, S., Singh, K., et al. (2017). Biosecurity knowledge, attitudes, and practices of farmers culturing yellow catfish (*Pelteobagrus fulvidraco*) in Guangdong and Zhejiang provinces, China. *Aquaculture*, 471, 146-156.
4. Katrin, H., Sara, G., Ann, W., et al. (2003) Antibiotic use in shrimp farming and implications for environmental impacts and human health. *International journal of food science and technology*, 38(3), 255-266.
5. Nguyễn, A. T. L., Trần, B. X., Lê, H. T., et al. (2018). Customers knowledge, attitude, and practices towards food hygiene and safety standards of handlers in food facilities in Hanoi, Vietnam. *Int. J. Environ. Res. Public Health*, 15(10), 2101.
6. Nukala, R. & Hema, T. (2022). Consumers knowledge regarding antibiotic residues and their consciousness about food safety issues in livestock products. *Indian journal of animal sciences*, 92(3), 306-310.

7. Ralph, R. M. & Scottie, L. M. (2000). Food safety knowledge and behavior of expanded food and nutrition education program participants in Arizona. *Journal of food protection*, 63(12), 1725-1731.
8. Scott, A. M., Beller, E., Glasziou, P., et al. (2018). Is antimicrobial administration to food animals a direct threat to human health? A rapid systematic review. *International journal of antimicrobial agents*, 53(3), 316-323.
9. Yamane T. (1967). *Statistics: An introductory analysis, 2nd edition*. New York: Harper and Row.

**Ngày nhận bài: 6/4/2022**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 3/5/2022**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 13/5/2022**

*Thông tin tác giả:*

**1. ThS. NGUYỄN THỊ MINH HƯƠNG**

**Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế**

**2. TS. HOÀNG HỮU TRUNG**

**Khoa Hệ thống thông tin kinh tế, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế**

## A STUDY ON THE CONSUMERS' KNOWLEDGE TOWARDS THE ISSUE OF ANTIBIOTIC RESIDUES IN SHRIMP PRODUCTS IN HUE CITY, VIETNAM

● Master. **NGUYEN THI MINH HUONG**<sup>1</sup>

● PhD. **HOANG HUU TRUNG**<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Faculty of Business Administration

University of Economics, Hue University

<sup>2</sup>Faculty of Economic Information Systems

University of Economics, Hue University

### **ABSTRACT:**

Antibiotic residues in shrimp products is a potential threat to public health. Consumers can help to reduce this risk by raising their awareness and taking appropriate preventive measures. This study examines consumers' knowledge about the issue of antibiotic residues in shrimp products with the participation of 204 household's primary food shoppers in Hue city. The study's results show that consumers have "poor" knowledge about this issue with a knowledge index of  $42,46 \pm 34,04\%$ . As a result, it is necessary to provide adequate information about the issue of antibiotic residues in shrimp products to improve consumers' knowledge.

**Keywords:** knowledge, consumers, antibiotic residues in shrimp.